

Bản án số: 63/2017/HSST
Ngày 27/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ứng Thị Phụng
Ông Nguyễn Văn Lâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Mạnh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2017/HSST ngày 17/08/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/HSST-QĐ ngày 22/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T Sinh 1993

Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã Thạch S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Vũ Thị T. Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ ngày 24/02/2017, tạm giam ngày 27/02/2017, có mặt.

2. Trương Văn H Sinh 1994

Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã Thạch S, huyện T tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mường; con ông: Trương Thái B và bà Trương Thị V. Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ ngày 10/3/2017, tạm giam ngày 16/3/2017, có mặt.

3. Phạm Ngọc T Sinh 1996

Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã Thạch S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phạm Văn N và bà Hoàng Thị H. Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ ngày 07/3/2017, tạm giam từ ngày 10/3/2017, có mặt.

4. Nguyễn Anh T Sinh 1996

Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã Thạch S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; con ông: Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H. Tiền án, tiền sự: Không

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, Thanh Hóa kể từ ngày 17/02/2016 theo Bản án số 67/2016/HSST ngày 30/09/2016 của TAND tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người bị hại:

1) Nguyễn Thị T M, sinh 05/8/1998, trú tại Thôn L, xã Thạch S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

2) Nguyễn Thị M, sinh 05/01/2001, trú tại , Thôn L, xã Thạch S, huyện T tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt. (tính đến ngày 31/5/2015 là 14 tuổi 04 tháng 26 ngày). Người đại diện là ông Nguyễn Văn D và bà Quách Thị H (bố, mẹ của M), vắng mặt.

3) Nguyễn Thị B, sinh 08/4/2001, trú tại Thôn L, xã Thạch S, huyện T , tỉnh Thanh Hóa (tính đến ngày 31/5/2015 là 14 tuổi 01 tháng 23 ngày). Người đại diện là ông Nguyễn Văn H và bà Quách Thị N (bố, mẹ của B), vắng mặt.

4) Bùi Thị N, sinh 24/01/1997, trú tại Thôn L, xã Thạch S, huyện T , tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

5) Phạm Thị H, sinh 25/8/1997, trú tại Thôn L, xã Thạch S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn T và đồng bọn bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng cuối năm 2014, Nguyễn Văn T vượt biên sang Trung Quốc làm thuê. Tại đây, T và Đinh Thị V quê ở huyện Cao P, tỉnh H (không xác định được thôn xã cụ thể) biết nếu đưa được 01 người phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc bán cho một người phụ nữ tên H (là người Việt Nam lấy chồng và sống ở Trung Quốc) sẽ được 8.000 nhân dân tệ (tương đương khoảng 28.000.000 VNĐ). Do háms lợi nên T điện thoại cho H thống nhất giá cả và cách thức đưa, đón người sang Trung Quốc. Sau đó, T và V về Việt Nam tìm phụ nữ bán sang Trung Quốc. Trong thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 7/2015, Nguyễn Văn T cùng đồng bọn đã thực hiện 03 vụ mua bán người, mua bán trẻ em. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng cuối tháng 4/2015, Lê Nguyên T (tên gọi khác là Đ) ở thôn Thôn L, xã Thạch S, huyện T đến nhà Nguyễn Văn T chơi. Khi biết việc T muốn mua xe máy để đi nhưng chưa có tiền, T gọi T ra ngoài hỏi “Em có muốn mua xe máy không?” T trả lời “Có” T nói “Vậy em lừa một đứa con gái để anh đưa sang Trung Quốc bán, anh kiếm được tiền anh mua xe máy cho”, T đồng ý tìm người để T bán sang Trung Quốc.

Thông qua mạng xã hội Facebook, Lê Nguyên T làm quen với chị Nguyễn Thị T M (tên gọi khác là T), sinh ngày 05/8/1998 ở thôn Thôn L, xã Thạch S, huyện T.

Đầu tháng 5/2015, Nguyễn Văn T nhắn tin vào máy điện thoại di động của Lê Nguyên T hỏi “Cái việc anh nói em thế nào rồi” (ý T nói đến việc nhờ T tìm người bán sang Trung Quốc), T nhắn tin lại cho T “Em có quen một đứa trên Thôn L tên là T M”, T nhắn lại “Ừ được đấy, em thu xếp một đến hai hôm nữa rủ nó xuống nhà anh để đưa sang Trung Quốc”, T nhắn lại cho T “Vâng”.

Chiều ngày 08/5/2015, Lê Nguyên T đi bộ đến nhà Nguyễn Văn T chơi, lúc này Phạm Ngọc T cũng đang ở nhà T. T nói với T “Em lên đón T M xuống nhà anh ăn cơm rồi tối anh em mình đi”, T hiểu ý nên nói “Vâng”. T tiếp tục nói với T “Em lấy xe máy của T mà đi”, T nói với T “Cho tau mượn xe máy đi đây một lúc”, T cho T mượn xe máy.

Trước khi đi đón, T gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị T M rủ đi chơi, T M đồng ý. T đi xe máy đón T M về nhà T. Trên đường đi, T nói dối T M “Anh đánh

nhau, Công an đang tìm anh, em đi trốn với anh một vài hôm nhé”. Do có một vài lần đi chơi cùng T nên T M không nghi ngờ và đồng ý đi với T.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, T và T M về đến nhà T, cả hai cùng vào ăn cơm với gia đình nhà T. Trong lúc ăn cơm, T gọi T ra ngoài nói “Ăn nhanh ta đi không là muộn”, T thống nhất và đi vào nhà nói với T M “Anh em mình đi Quảng N chơi đi”, T M đồng ý. T và T nhờ T (em trai T) và T (Nam) đi hai xe máy chở T, T và T M xuống khu vực thị xã Bim Sơn. Đến nơi, T và T (Nam) về còn T, T, T M đón xe khách đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng N.

Khoảng 03 giờ sáng ngày 09/5/2015 đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng N cả ba đón xe taxi đến nhà một người đàn ông không rõ tên tuổi ở sát bờ sông giáp với biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Tại đây, T nhờ người đàn ông này đi thuyền đưa T, T và T M qua sông sang Trung Quốc. Đến đất Trung Quốc, cả 3 thuê hai xe máy đưa đến một bến xe lên xe khách vào sâu trong nội địa. Khi đến bến xe khách Kiệt Giềng thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, T gọi điện thoại cho người phụ nữ tên H ra đón rồi đưa cả ba về nhà H. Tại nhà H, T bán T M cho H lấy 8.000 nhân dân tệ (tương đương khoảng 28.000.000VNĐ).

Sau khi bán T M cho H, T và T nói dối phải đi làm ở xưởng khác nên nói với T M ở lại nhà H, còn T và T về Việt Nam nhưng T không mua xe máy cho T như đã hứa.

Tháng 01/2016, chị Nguyễn Thị T M trốn về Việt Nam. Ngày 17/02/2016, chị T M đến cơ quan điều tra tố cáo Nguyễn Văn T và Lê Nguyên T lừa bán sang Trung Quốc làm gái mại dâm. Chị Nguyễn Thị T M báo cáo, chi phí tìm kiếm và để trốn từ Trung Quốc về Việt Nam hết 10.000.000VNĐ.

Sau khi phạm tội, Nguyễn Văn T bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra truy nã. Còn Lê Nguyên T bị khởi tố điều tra theo quy định. Ngày 29/7/2016, TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt Lê Nguyên T 08 năm tù về tội “Mua bán người” theo Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 và buộc T bồi thường cho người bị hại 22.100.000đ.

Vụ thứ hai: Thông qua các trang mạng xã hội nên cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 08/4/2001 ở thôn B, xã Thạch B, huyện T quen biết Đinh Xuân C, sinh năm 1996 ở thôn L, xã T, huyện T. Vào tối một ngày tháng 5 năm 2015, cháu B đang ở nhà thì C gọi điện thoại rủ B đến nhà C chơi. B đồng ý và rủ bạn là Nguyễn Thị M, sinh ngày 05/01/2001 (ở cùng thôn xã với B) đi cùng. C, N điều khiển xe máy chở cháu B và cháu M đến nhà C ở thôn L, xã T, huyện T.

Tại nhà C, cháu M và cháu B gặp anh trai C là Đinh Xuân M. Đến khoảng 22h cùng ngày, Đinh Xuân C (C N) rủ cháu M, cháu B cùng T, C, T ra thị trấn K, huyện T ăn đêm. Sau khi ăn xong, cả nhóm thuê 02 phòng của nhà nghỉ Lâm ở thôn 5, xã T, huyện T để ngủ lại, riêng T đi về. C, C và cháu B ở tại một phòng tầng 1; Nguyễn Anh T cùng cháu M ở một phòng tầng 2 và có quan hệ tình dục với nhau.

Trong quá trình đi chơi, Nguyễn Văn T nảy sinh ý định lừa bán hai cháu M và B sang Trung Quốc để lấy tiền. Tại nhà T, T nói với T và V về việc lừa bán M và B sang Trung Quốc. T và V đồng ý. T, T và V nói với cháu M và cháu B là đi Móng Cái, Quảng N làm nghề cắt tóc, gội đầu, công việc nhẹ nhàng, lương cao nên M và B tiếp tục ở lại nhà C (N) đợi V về nhà thăm mẹ ở tỉnh Hòa Bình.

Khoảng 2-3 ngày sau đó, V từ tỉnh Hòa Bình quay lại nhà T. T, V đón xe khách đưa cháu M và cháu B đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng N. Khi đến Móng Cái, T, T, V lại nói với cháu M và cháu B là có người quen ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc nên phải đến đó mới có việc làm. T, T, V đưa hai cháu M và B qua biên giới Việt - Trung theo đường tiểu ngạch rồi đến nhà H. T, T, V bán cháu M và cháu B cho H lấy 16.000 nhân dân tệ. H trừ tiền xe 3.000 nhân dân tệ, đưa cho T 12.000 nhân dân tệ, đưa cho T 1.000 nhân dân tệ.

Sau khi bán cháu M và B cho đối tượng H, T và V về Việt Nam còn T ở lại quản lý, trông giữ, ép buộc hai cháu M và B bán dâm cho khách. Tại đây, hai cháu M và B đã phải bán dâm nhiều lần cho khách. T ở lại khoảng một tháng thì về Việt Nam.

Sau đó, cháu Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B trốn về Việt Nam. Đến ngày 17/02/2016 cùng đến cơ quan Cảnh sát điều tra (PC45) Công an tỉnh Thanh Hóa tố cáo Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn T và đối tượng V đã lừa bán cháu M và cháu B sang Trung Quốc làm gái mại dâm. Gia đình hai cháu Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị M báo cáo chi phí đi tìm cháu B hết 9.300.000 đồng, chi phí đi tìm cháu M hết 11.000.000đ.

Sau khi phạm tội, Nguyễn Văn T bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra truy nã. Còn Nguyễn Anh T bị khởi tố điều tra. Ngày 30/9/2016, TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt Nguyễn Anh T 15 năm tù về tội “Mua bán trẻ em” theo Điều 120 Bộ luật Hình sự và 18 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em” theo Điều 115 Bộ luật Hình sự. Buộc T bồi thường cho cháu B 25.600.000đ; bồi thường cho cháu M 27.300.000đ.

Vụ thứ ba: Khi đã tiêu hết số tiền kiếm được từ việc bán cháu B và cháu M, Nguyễn Văn T tiếp tục bàn bạc với Phạm Ngọc T Nguyễn Anh T và Trương Văn H ở thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa tán tỉnh làm quen những cô gái trẻ để lừa đưa sang Trung Quốc bán. Qua Trương Văn H, T làm quen và thường xuyên gọi điện tán tỉnh chị Bùi Thị N sinh ngày 24/01/1997 ở thôn C, xã B, huyện Bá T. Biết chị N đang tìm việc làm, T gọi điện hứa xin việc làm cho chị N.

Đến đầu tháng 7/2015, T gọi điện thoại nói chị N ra Hà Nội. Chị N đồng ý và rủ thêm bạn là chị Phạm Thị H (tên gọi khác là H, sinh ngày 25/8/1997 ở thôn Chun, xã Thiết Ống, huyện Bá Thước cùng đi. Khi chị N và chị H ra đến bến xe khách Mỹ Đình, Thành phố Hà Nội, T và H đi xe máy ra đón rồi đưa N và H về một nhà nghỉ ở gần khu vực phòng trọ của T, còn T và H về phòng trọ ngủ. Tại phòng trọ, T nói với H “Đề thằng T ra tán con H”, nói xong, T gọi điện thoại cho T ra Hà Nội.

Sau khi Phạm Ngọc T ra Hà Nội, T nói T (Nam) ra nhà nghỉ trả tiền phòng, đón N và H về phòng trọ của T. Sau đó, T gọi điện thoại cho Nguyễn Anh T rủ T tham gia lừa bán chị N và chị H. T đồng ý rồi đến ở cùng T, T, H, chị N và chị H.

Chiều ngày 27/7/2015, T gọi T, T và H ra đoạn đường ở gần phòng trọ của T nói “Bây giờ hết tiền rồi phải đưa bọn nó sang Trung Quốc thôi, định bao giờ đi”, T và T nói “Lúc nào đi cũng được”, T nói tiếp “Tau ngại nói với con N lắm”, H nói “Đề tau nói với con N cho”, T hỏi H “Mi định nói kiểu gì”? H nói “Bây giờ vào nói với N là thằng T với bọn anh phải sang Trung Quốc đi làm, em

đi cùng bọn anh”. Sau khi đã thống nhất, cả bọn đi vào phòng nói với chị N, chị H là có người quen xin được việc làm bên Trung Quốc và rủ chị N, chị H cùng đi. T còn nói “Làm khoảng 2 đến 3 tháng sẽ về” nhưng N và H không đồng ý. Lúc này, T, T, T và H nói phải trả phòng trọ nên thu dọn quần áo mang ra ngoài nên chị N và chị H phải miễn cưỡng đi theo. T mang xe máy của T đi cầm cố, còn T, T và H đón xe taxi đưa chị N và chị H ra bến xe khách Mỹ Đình lên xe khách đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng N. Sau khi cầm cố xe máy, T đến bến xe cùng đi với cả nhóm.

Đến bến xe khách thành phố Móng Cái, đi xe tắc xi đến nhà một người phụ nữ (không rõ tên tuổi) ở giáp bờ sông biên giới rồi vượt sông sang Trung Quốc rồi đón xe khách đến bến xe Kiệt Giềng thuộc tỉnh Quảng Đông, T gọi điện thoại cho H ra đón. Tại đây, T, T, T và H bán chị N và chị H cho H lấy 16.000 nhân dân tệ, H đưa cho T 8.000 nhân dân tệ để T và H quay về Việt Nam trước, còn T và T ở lại nhà H.

Tại nhà H, chị N và chị H bị ép phải đi bán dâm cho khách. Khoảng 2 ngày sau, T và T quay về Việt Nam. H trả tiền vé xe hết 2.000 nhân dân tệ và đưa 6.000 nhân dân tệ cho T và T.

Khi về đến Việt Nam, T, T, T và H gặp nhau tại Hà Nội. T chuộc xe máy của T hết 5.000.000đ, đưa cho H 13.500.000đ, đưa cho T 1.000.000đ, số tiền còn lại cả bọn cùng nhau ăn tiêu hết.

Tháng 10/2015, lợi dụng sơ hở chị Bùi Thị N và chị Phạm Thị H trốn về Việt Nam. Do mặc cảm nên chị N và chị H không viết đơn tố cáo. Ngày 24/02/2017, Nguyễn Văn T bị Công an thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng N bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC45) Công an tỉnh Thanh Hóa.

Khi biết Nguyễn Văn T bị bắt, ngày 01/3/2017 và 13/4/2017 chị N và chị H mới làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Anh T, Phạm Ngọc T và Trương Văn H lừa bán hai chị sang Trung Quốc làm gái mại dâm.

Ngày 07/3/2017 và 10/3/2017, Phạm Ngọc T và Trương Văn H đến cơ quan điều tra đầu thú khai báo hành vi cùng đồng bọn lừa bán chị N và chị H sang Trung Quốc làm gái mại dâm.

Chị Bùi Thị N và chị Phạm Thị H báo cáo, chi phí để chị N và chị H trốn về Việt Nam hết 3.000.000đ. Chị N và chị H yêu cầu bồi thường dân sự và xử lý các bị can theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, gia đình bị can Phạm Ngọc T, Trương Văn H đã bồi thường cho chị N và chị H mỗi người 10.000.000đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành xác minh và triệu tập làm việc đối với Đinh Xuân C, Đinh Xuân Mạnh nhưng các đối tượng vắng mặt tại địa phương. Đối với đối tượng tên V và đối tượng tên H (chủ chứa mại dâm tại Trung Quốc) đến nay chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đang tiếp tục điều tra xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Do có hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số 33/CT-KSĐT-TA ngày 15/08/2017 của VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm a, đ, e, g khoản 2 Điều 119 BLHS và tội

“Mua bán trẻ em” theo quy định tại điểm d, e, h khoản 2 Điều 120 BLHS; truy tố Phạm Ngọc T, Trương Văn H và Nguyễn Anh T về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm a, đ, e khoản 2 Điều 119 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về các tội danh trên theo BLHS 1999 nhưng xin rút truy tố điểm a Khoản 2 Điều 119 và điểm h Khoản 2 Điều 120 vì những tình tiết định khung này thuộc tình tiết định tội của Khoản 1 Điều 150 và Khoản 1 Điều 151 BLHS 2015 theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, e, g khoản 2 Điều 119 BLHS và điểm d, e khoản 2 Điều 120 BLHS; xử phạt Nguyễn Văn T 13-14 năm tù về tội “Mua bán người” và 16-17 năm tù về tội “Mua bán trẻ em”; áp dụng điểm đ, e, khoản 2 Điều 119 BLHS; xử phạt Phạm Ngọc T 10-11 năm tù; Trương Văn H 10-11 năm tù; Nguyễn Anh T 9-10 năm tù về tội “Mua bán người”; truy thu số tiền các bị cáo hưởng lợi không chính đáng để tịch thu sung quỹ nhà nước và buộc các bị cáo bồi thường các chi phí đi lại, tổn thất về tinh thần cho các bị hại Bùi Thị N và chị Phạm Thị H bị xâm hại về nhân phẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại Phạm Thị H yêu cầu xử phạt nghiêm các bị cáo, yêu cầu bồi thường các chi phí tìm kiếm của gia đình và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để yên tâm cải tạo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Khoảng cuối năm 2014, Nguyễn Văn T vượt biên sang Trung Quốc làm thuê. Tại đây, T và Đinh Thị V quê ở huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình (không xác định được thôn xã cụ thể) biết nếu đưa được 01 người phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc bán cho một người phụ nữ tên H (là người Việt Nam lấy chồng và sống ở Trung Quốc) sẽ được 8.000 nhân dân tệ (tương đương khoảng 28.000.000 VNĐ). Do háms lợi nên T điện thoại cho H thống nhất giá cả và cách thức đưa, đón người sang Trung Quốc. Sau đó, T và V về Việt Nam tìm phụ nữ để bán sang Trung Quốc. Trong thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 7/2015, Nguyễn Văn T cùng đồng bọn đã thực hiện 03 vụ mua bán người, mua bán trẻ em. Cụ thể như sau:

- Khoảng đầu tháng 5/2015, Nguyễn Văn T cùng Lê Nguyên T đưa chị Nguyễn Thị T M, sinh ngày 05/8/1998 ở thôn Q, xã T, huyện Tsang Trung Quốc bán cho đối tượng có tên là H làm gái mại dâm lấy 8.000 Nhân Dân Tệ (hành vi của T đã bị xét xử tại Bản án số 49/2016/HSST ngày 29/07/2016 củ a TAND tỉnh Thanh Hóa).

- Cũng trong khoảng tháng 5/2015, Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Anh T đưa cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 05/01/2001 và cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 08/4/2001 đều ở thôn B, xã T, huyện T sang Trung Quốc bán cho đối tượng tên là H làm gái mại dâm lấy 16.000 Nhân Dân T (hành vi của T đã bị xét xử tại Bản án số 67/2016/HSST ngày 30/09/2016 của TAND tỉnh Thanh Hóa).

- Khoảng cuối tháng 7/2015, Nguyễn Văn T cùng Phạm Ngọc T, Trương Văn H và Nguyễn Anh T đưa chị Bùi Thị N, sinh ngày 24/01/1997 ở thôn C, xã Ban C, huyện Bá T và chị Phạm Thị H, sinh ngày 25/8/1997 ở thôn C, xã Thiết Ổ, huyện B sang Trung Quốc bán cho đối tượng tên là H làm gái mại dâm lấy 16.000 Nhân Dân Tệ.

Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong giai đoạn điều tra nên HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ, e, g khoản 2 Điều 119 BLHS 1999 và tội “Mua bán trẻ em” theo quy định tại điểm d, e, khoản 2 Điều 120 BLHS 1999; hành vi của Phạm Ngọc T, Trương Văn H và Nguyễn Anh T phạm tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 BLHS 1999 như cáo trạng số 33/CT-KSĐT-TA ngày 15/08/2017 của VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố và rút một số điểm đã truy tố tại phiên tòa là có căn cứ.

Xét tính chất vụ án, thấy rằng: Vì động cơ trục lợi cá nhân, Nguyễn Văn T và đồng bọn đã bàn bạc, cấu kết với nhau tìm phụ nữ lừa bán sang Trung Quốc để lấy tiền chi tiêu cá nhân, được thực hiện nhiều lần và đối với nhiều người, trong số đó có cả trẻ em. Hành vi lừa bán người khác ra nước ngoài của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, coi con người như một thứ hàng hóa, gây mất trật tự trị an xã hội, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật hình sự bảo vệ, do vậy cần phải được xử lý nghiêm minh để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét vai trò các bị cáo: Trong vụ án này Nguyễn Văn T là người khởi xướng và thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất. Các vụ án mua bán người và trẻ em đều do T đứng ra chỉ đạo. Một mình T thực hiện cả 03 vụ và phạm nhiều tội trong một thời gian ngắn. Do vậy, Nguyễn Văn T giữ vai trò chính trong vụ án, phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt cao hơn các bị cáo khác; còn Phạm Ngọc T, Trương Văn H và Nguyễn Anh T phạm tội với vai trò là những đồng phạm tích cực.

Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo Phạm Ngọc T và Trương Văn H đã ra đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, gia đình bị cáo Phạm Ngọc T và Trương Văn H đã bồi thường một phần dân sự cho người bị hại Bùi Thị N và Phạm Thị H. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị can theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo phạm tội với nhiều tình tiết tăng nặng định khung nên cần phải xử lý nghiêm với hình phạt thỏa đáng, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các chi phí liên quan đến thiệt hại của Nguyễn Thị T M đã được giải quyết tại Bản án số 49/2016/HSST ngày 29/07/2016 của TAND tỉnh Thanh Hóa nên HĐXX không xem xét trong bản án này. Riêng về số tiền T, T bán T M cho bà H lấy 8.000 Nhân Dân Tệ (tiền Trung Quốc) tương đương khoảng 28.000.000VNĐ tại thời điểm đó. Số tiền này T đang quản lý, không chia cho T và hưởng lợi không chính đáng nên cần truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Các chi phí liên quan đến thiệt hại của Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị B và số tiền Nguyễn Anh T hưởng lợi không chính đáng 3.000.000VNĐ đã được giải quyết tại Bản án số 67/2016/HSST ngày 30/09/2016 của TAND tỉnh Thanh Hóa nên HĐXX không xem xét trong bản án này. Riêng số tiền bán cháu M, cháu B, bà H đưa cho T 12.000 Nhân Dân Tệ (tiền Trung Quốc) tương đương khoảng 42.000.000 VNĐ tại thời điểm đó. Số tiền này T đang quản lý và hưởng lợi không chính đáng nên cần truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Số tiền T, T, T và H bán chị N và chị H cho bà H lấy 16.000 Nhân Dân Tệ, bà H đưa cho T 8.000 Nhân Dân Tệ, tương đương khoảng 28.000.000 VNĐ tại thời điểm đó để T và H quay về Việt Nam trước, còn T (Tiền) và T (Nam) ở lại nhà H. Sau đó H trả tiền vé xe hết 2.000 Nhân Dân Tệ và đưa 6.000 Nhân Dân Tệ cho T và T tương đương 21.000.000VNĐ tại thời điểm đó. Trong số tiền đó, T hưởng riêng 5.000.000VNĐ chuộc xe máy của T; H hưởng riêng 13.500.000VNĐ do T đưa, cần truy thu ở các bị cáo T, H số tiền này để tịch thu sung quỹ nhà nước. Số tiền còn lại 30.500.000VNĐ các bị cáo T, T, T và H cùng nhau ăn tiêu hưởng lợi không chính đáng, cần truy thu ở mỗi bị cáo 7.625.000VNĐ để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Chị Bùi Thị N và chị Phạm Thị H báo cáo, chi phí để chị N và chị H trốn về Việt Nam hết 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo Phạm Ngọc T, Trương Văn H đã bồi thường cho chị N và chị H mỗi người 10.000.000 đồng. ngoài ra cần buộc các bị cáo phải bồi thường thêm một khoản tiền tổn thất về tinh thần cho các bị hại theo quy định của pháp luật tương đương với 10 lần mức lương cơ sở hiện nay do nhà nước quy định là $(10 \times 1.300.000đ) = 13.000.000đ$. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về nhân phẩm cho Chị Bùi Thị N và chị Phạm Thị H mỗi người là 16.000.000đ. Số tiền gia đình các bị cáo đã bồi thường trước 10.000.000đ được trừ vào khoản tiền bị cáo phải thi hành án. Số tiền còn lại 6.000.000đ buộc T và Nguyễn Anh T tiếp tục bồi thường cho Bùi Thị N, Phạm Thị H.

Về tang vật trong vụ án, không thu giữ gì nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán người” và tội “Mua bán trẻ em”

Phạm Ngọc T, Trương Văn H và Nguyễn Anh T phạm tội “Mua bán người”

Áp dụng: Điểm đ, e, g Khoản 2 Điều 119; điểm d, e Khoản 2 Điều 120; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 42, 50 BLHS 1999; Khoản 2 Điều 150; Khoản 2 Điều 151; Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 15 (mười lăm) năm tù về tội “Mua bán người” và 15 (mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trẻ em”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2017.

Áp dụng: Điểm đ, e Khoản 2 Điều 119; điểm b, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46; Điều 42 BLHS 1999; Khoản 2 Điều 150; Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Phạm Ngọc T 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2017.

Xử phạt: Trương Văn H 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2017.

Áp dụng: Điểm đ, e Khoản 2 Điều 119; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 42, 50, 51 BLHS 1999; Khoản 2 Điều 150; Khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Anh T 10 (mười) năm tù. Tổng hợp với phần hình phạt 16 năm 06 tháng tại bản án số 67/2016/HSST ngày 30/9/2016 của TAND tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 26 (hai sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2016.

Truy thu để tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền hưởng lợi không chính đáng ở các bị cáo như sau: Nguyễn Văn T 82.625.000đ; Trương Văn H 21.625.000đ; Phạm Ngọc T 7.625.000đ; Nguyễn Anh T 7.625.000đ.

Áp dụng Điều 357, 592 BLDS 2015: buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc T, Trương Văn H và Nguyễn Anh T liên đới bồi thường số tiền thiệt hại về nhân phẩm bị xâm hại cho Bùi Thị N 16.000.000đ; Phạm Thị H 16.000.000đ. Các bị cáo Phạm Ngọc T, Trương Văn H đã bồi thường cho chị N và chị H mỗi người 10.000.000 đồng.

Buộc Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho Bùi Thị N số tiền 1.500.000đ; Phạm Thị H 1.500.000đ.

Buộc Nguyễn Anh T tiếp tục bồi thường cho Bùi Thị N 1500.000đ; Phạm Thị H 1.500.000đ.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bị cáo không thi hành khoản tiền bồi thường trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS 2015.

Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc T, Trương Văn H và Nguyễn Anh T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo T phải nộp 300.000đ; Nguyễn Anh T phải nộp 300.000đ.

Bản án hình sự này là sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và đại diện bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sao của Tòa án hoặc niên yết bản án tại UBND xã, phường nơi các đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Thi hành án tỉnh Thanh Hoá;
- bị cáo, bị hại, đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu toà hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Dương Xuân Tuấn